

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2020/TLST - HN ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST - HN ngày 16 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 02, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 02, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé H trình bày:

Bà (Huỳnh Thị Bé H) và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau qua mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 1993; hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống hiện ông bà không còn sống chung nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung tên: Vợ chồng sanh 02 con chung tên: Nguyễn Huỳnh Trúc H, sinh ngày 30/9/1994 và Nguyễn Huỳnh Phương N, sinh ngày 02/5/1999 (Tất cả đã trưởng thành).

Tài sản chung - nợ chung:

Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Bé H chung sống vào năm 1993, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà Bé H kiện ly hôn thì ông thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Vợ chồng sanh được 02 con chung tên: Nguyễn Huỳnh Trúc H, sinh ngày 30/9/1994 và Nguyễn Huỳnh Phương N, sinh ngày 02/5/1999 (Tất cả đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T.

Công văn số 75/UBND – HT ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

Công văn 22/UBND – TP ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện: Bà Bé H và ông T có lời khai thống nhất cả hai quen biết nhau qua mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 1993, không đăng ký kết hôn, hôn nhân phát sinh mâu thuẫn năm 2018 và đến nay sống ly thân.

Về con chung:

Bà Bé H và ông T sanh hai con chung tên: Nguyễn Huỳnh Trúc H, sinh ngày 30/9/1994 và Nguyễn Huỳnh Phương N, sinh ngày 02/5/1999 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung:

Bà Bé H và ông T khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà H và ông T bận làm ăn xa nên yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tòa án đã thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi cư trú của bà H và ông T thể hiện bà H và ông T chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Bé H và ông T là vợ chồng.

Từ căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Bé H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1]. Về vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn T quen biết nhau qua mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn và nay không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang: Qua rà soát sổ lưu trữ thì bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc và Ủy ban nhân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Xét thấy, bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9

Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông T không được công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Bà Bé H và ông T khai thống nhất nhau là vợ chồng sống chung nhau sanh hai (02) con chung tên: Nguyễn Huỳnh Trú H, sinh ngày 30/9/1994 và Nguyễn Huỳnh Phương N, sinh ngày 02/5/1999 (Tất cả đã trưởng thành) nên không đề cập đến giải quyết.

[4] Về tài sản chung - nợ chung:

Bà Bé H và ông T khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[5] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Bé H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. [Về quan hệ hôn nhân]:

Không công nhận bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. [Về án phí sơ thẩm]:

Bà Huỳnh Thị Bé H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003549 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Bé H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. [Về quyền kháng cáo]:

Bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga